

Bản án số: 355/2023/HC-PT

Ngày: 24-5-2023

*“V/v Khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai và
yêu cầu bồi thường thiệt
hại”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 189/2023/TLPT- HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc *“Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2022/HC-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1069/2023/QĐ-PT ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1950; Cư trú tại: 1 (số cũ A), khu phố E, phường T, thành phố B, Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

+ Luật sư Vũ Duy N, Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt)

+ Luật sư Nguyễn Văn H, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

Thuộc công ty L3, số A V, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Khôi N1 – Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Hoàng Tuấn A – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (văn bản số 1782/UBND-TCD ngày 17/02/2021 – vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Thanh P – Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố B (văn bản số 17590/UBND-TCD ngày 21/11/2022 – có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D;

Người đại diện hợp pháp: ông Cao Tiến D1 – Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lưu Thị Mai H1 – Chi cục phó C1 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L (văn bản số 621/UBND ngày 02/12/2022 - có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1988, ông Nguyễn Quốc D là thương binh điều trị ở Quân y viện 7B, thời điểm đó nhà nước phát động phong trào khai hoang phục hóa, ông D đã vào khu đất L khai phá, trồng cây với diện tích khoảng 139.000m², đồng thời làm trang trại chăn nuôi sinh sống ổn định từ đó cho đến khi bị cưỡng chế.

Ngày 10/6/1993, ông D có ký hợp đồng thuê đất trồng rừng và cây ăn trái với Quân y viện 7B với thời hạn sử dụng là 15 năm, kể từ ngày 10/6/1993, sau 15 năm làm hợp đồng thuê lại với diện tích 15.000m².

Tại văn bản số 02/VB7B ngày 06/01/2006 gửi cho ông D, bệnh viện 7B khẳng định trong diện tích tôi đang canh tác có 15.000m² là đất của bệnh viện 7B theo hợp đồng ký ngày 10/6/1993 (trong tổng diện tích ông D đang trực tiếp sử dụng là 154.800m²).

Ngày 17/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B tổ chức lực lượng, máy móc vào cắt cây, đập phá toàn bộ chuồng trại và vật nuôi của gia đình ông D, thiệt hại tại bảng kê tài sản với tổng giá trị 3.408.500.000đ (ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) mà không hề có Quyết định nào cũng như không

đền bù gì cho ông D. Sau này, ông D mới biết có Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 (Quyết định này ông D không được nhận bản chính, mà biết được Quyết định số 17/QĐ-CC do ông Nguyễn Quốc V giao bản photo vào ngày 11/01/2017).

Sau đó, ông D có làm đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan ban ngành nhưng không được giải quyết. Đến ngày 22/01/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định hành chính 375/QĐ-UBND với nội dung “Không công nhận nội dung ông D khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của UBND thành phố B”. Quyết định 375/QĐ-UBND đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D nên ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và đến ngày 17/6/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ra Quyết định hành chính số 2033/QĐ-UBND với nội dung “Không công nhận nội dung khiếu nại đề ngày 18/02/2020 của ông Nguyễn Quốc D, công nhận Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết Đơn khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D là đúng quy định pháp luật”. (Quyết định 2033/QĐ-UBND ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp đối với toàn bộ diện tích đất ông D đang sử dụng).

Do đó, ông Nguyễn Quốc D làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên hủy các Quyết định sau:

1. Quyết định hành chính số 17/QĐ-CC ngày 05/1/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016” do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ký;

2. Quyết định hành chính số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D;

3. Quyết định hành chính số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D;

4. Đồng thời, ông Nguyễn Quốc D yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phải bồi thường cho ông số tiền 3.408.500.000đ (ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo bảng kê tài sản thiệt hại (BL251-257) và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ công nhận cho ông quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 139.000m² (gồm các thửa đất số 04 tờ bản đồ số 10, tờ bản đồ số 89, các thửa 01, 03, 04, 06 tờ bản đồ số 90 đều thuộc phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Tại văn bản đề ngày 22/3/2022, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai là ông Huỳnh Tấn L - Phó chủ tịch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

1. Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất:

- Khu đất có diện tích khoảng 154.800m² gồm các thửa đất số 04, số 10 tờ bản đồ địa chính số 89 phường L; các thửa đất số 01, 03, 04, 06 tờ bản đồ địa chính số I phường L (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1999) có nguồn gốc là đất thuộc Tổng kho Long Bình của chế độ cũ, sau ngày giải phóng 30/4/1975 do các đơn vị quốc phòng tiếp quản. Sau đó, Bộ Q giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quản lý theo Quyết định số 760/TTg ngày 21/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ và sau đó giao lại cho tổng kho B752 (sau này là đơn vị K752 quản lý; đơn vị Quân y viện 7B mượn lại của Tổng kho B752 để trồng cây);

- Ngày 10/6/1993, ông Nguyễn Quốc D ký hợp đồng với Quân y viện 7B để thuê lại trồng rừng và cây ăn trái với thời hạn thuê là 15 năm (trong hợp đồng không ghi diện tích, vị trí cho thuê đất) có nguồn gốc là đất quốc phòng. Đến năm 2006, Quân y viện 7B có văn bản số 02/BV-7B thông báo về việc ngưng trồng cây, hoa màu dưới hành lang an toàn đường điện đối với hộ ông Nguyễn Quốc D và sau đó có thông báo chấm dứt hợp đồng thuê đất giữa Quân y viện 7B và ông Nguyễn Quốc D;

- Diện tích đất có nguồn gốc nêu trên, ông Nguyễn Quốc D sử dụng một phần nằm trong diện tích đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho Công ty liên doanh P2 (nay là Công ty cổ phần A1) thuê, một phần nằm trong diện tích xây dựng 03 nhà máy Q1 (năm 2007, Bộ Q có phê duyệt hỗ trợ di dời), phần còn lại là đất dưới hành lang đường điện do Nhà nước quản lý. Căn cứ pháp lý thể hiện:

Quyết định số 278/TTg ngày 05/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho Công ty liên doanh P2 (nay là Công ty cổ phần A1) thuê 129,18ha đất tại phường L;

Biên bản ngày 05/9/1995 bàn giao ranh 129,18ha đất giữa Bộ Q và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho Công ty cổ phần A1 quản lý, sử dụng;

Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 12/12/1995 và Hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ ngày 12/12/1995 với tổng diện tích thuê 129,18ha;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060754 cấp ngày 12/01/1996 với diện tích 29,18ha và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060756 ngày 02/5/1996 với diện tích 100ha do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Công ty cổ phần A1 (Việt Nam);

- Ngày 26/12/2005, Ủy ban nhân dân phường L đã ban hành Thông báo số 31/TB.UBP yêu cầu các hộ dân (trong đó có hộ ông Nguyễn Quốc D) ngưng tăng gia sản xuất dưới hành lang an toàn lưới điện quốc gia tại phường L;

- Năm 2012, ông Nguyễn Quốc D cho người vào san ủi, trồng cây, chăn nuôi, dựng công trình dưới hành lang điện cao thế. Ủy ban nhân dân phường L đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm đối với ông Nguyễn Quốc D (ban hành quyết định và tổ chức cưỡng chế nhiều lần đối với công trình xây dựng trái phép dưới hành lang lưới điện nhưng hộ ông Nguyễn Quốc D không chấp hành mà tiếp tục vi phạm);

- Ngày 30/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 4331/QĐ-UBND thu hồi diện tích 124.747m² (phần đất nằm dưới hành lang đường điện) giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý và cho thuê lại nhưng phải bảo đảm quy định ngành điện lực (đây là khu vực đã quy hoạch và đất công do Nhà nước quản lý);

2. Đối với việc ông Nguyễn Quốc D yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D:

- Năm 2014, ông Nguyễn Quốc D tự ý san ủi, trồng cây, chăn nuôi xây dựng các công trình dưới hành lang đường điện và một phần của Công ty Cổ phần A1, Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành xử phạt, cưỡng chế nhưng ông D vẫn tái phạm. Năm 2015-2016, ông D cho xây dựng nhiều công trình, nhà tạm trên diện tích đất này.

- Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 76/BB-VPHC đối với hành vi xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng diện tích 211m², gồm 07 công trình vi phạm thuộc hành lang an toàn đường điện 230KV đã có Quyết định số 4331/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thu hồi đất do Ủy ban nhân dân phường quản lý giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai và một phần khu đất đã có Quyết định số 278/TTg ngày 05/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho Công ty A1 và Công ty liên doanh P2 thuê đất tại phường L – vi phạm quy định tại điểm a khoản 7, Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng;

- Ngày 28/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L có Tờ trình số 27/TTr-UBND về việc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của ông Nguyễn Quốc D;

- Ngày 19/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 1490/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Nguyễn Quốc D không nhận Quyết định (bộ phận chuyên môn phải niêm yết Quyết định này tại công trình vi phạm);

- Ngày 02/8/2016, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản kiểm tra việc thực hiện nội dung Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B nhưng ông Nguyễn Quốc D không thực hiện nội dung của Quyết định khắc phục hậu quả;

- Ngày 23/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4802/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

Do hết thời hạn cưỡng chế theo Quyết định số 4802/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục

hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (thời hạn thực hiện cưỡng chế là 60 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết quyết định này) nên Ủy ban nhân dân phường L có Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 05/10/2017 về việc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Ngày 05/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D;

- Ngày 06/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành bàn giao Quyết định cưỡng chế số 17/QĐ-CC cho ông D nhưng do ông D không nhận nên Ủy ban nhân dân phường L đã lập Biên bản và tiến hành niêm yết tại công trình xây dựng vi phạm;

- Ngày 11/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L tiến hành cuộc họp vận động ông Nguyễn Quốc D2 và một số hộ dân tự tháo dỡ công trình vi phạm;

- Ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L chủ trì tiến hành phối hợp lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế tháo dỡ các công trình vi phạm trên đất và bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần A1 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý;

Từ căn cứ trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục đã quy định. Việc ông Nguyễn quốc D3 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định nêu trên là không có căn cứ.

3. Đối với việc ông Nguyễn Quốc D yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D (lần đầu). Vấn đề này như sau:

Không đồng ý với Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, ông Nguyễn Quốc D có Đơn đề ngày 15/8/2018, khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D;

- Ngày 09/01/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B đã tổ chức đối thoại với ông Nguyễn Quốc D. Căn cứ tại điểm c khoản 1 và 2 Điều 65 quy định những trường hợp không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Điều 29 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; căn cứ Điều 3, 5, 6 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định

áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục của pháp luật;

- Ngày 22/01/2020, căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Quốc D. Theo đó, tại Điều 1 của Quyết định thể hiện không công nhận nội dung khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D; giữ nguyên việc cưỡng chế đối với ông D tại Quyết định 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 là đúng quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ công nhận tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 18/02/2020;

Do đó, việc ông Nguyễn Quốc D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định trên là không có căn cứ.

Tại Văn bản số 2507/UBND-THNC ngày 12/3/2021, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

1. Diễn biến vụ việc:

- Ngày 22/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ký ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D, khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Giữ nguyên việc cưỡng chế đối với ông Nguyễn Quốc D tại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016;

Không đồng ý nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, ngày 18/02/2020, ông Nguyễn Quốc D có Đơn khiếu nại (lần hai) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị xem xét, giải quyết vụ việc. Đến ngày 17/6/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Quốc D với nội dung:

- Không công nhận nội dung khiếu nại đề ngày 18/02/2020 của ông Nguyễn Quốc D;

- Công nhận Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D là đúng quy định của pháp luật;

- Yêu cầu ông Nguyễn Quốc D thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D;

2. Ý kiến với nội dung khởi kiện.

Ông Nguyễn Quốc D khởi kiện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ bồi thường số tiền 3.408.500.000đ (ba tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tuyên hủy 03 Quyết định hành chính:

- Quyết định hành chính số 17/QĐ-CC ngày 05/1/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016” do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ký;

- Quyết định hành chính số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D;

- Quyết định hành chính số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D;

Theo kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh Đồng Nai, khu đất có diện tích 154.800m² mà ông D khiếu nại tại Khu phố F, phường L hiện có một phần đất nằm dưới hành lang đường điện (đường điện này được xây dựng từ trước năm 1990) hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, một phần diện tích đất do Công ty liên doanh P2 (nay là Công ty cổ phần A1) được Thủ tướng Chính phủ cho thuê đất và một phần diện tích đất của 03 nhà máy Q1, Z755, Z756 quản lý;

Toàn bộ khu đất có nguồn gốc là đất do Tổng kho L thuộc chế độ cũ quản lý, sau năm 1975 do các đơn vị quốc phòng tiếp quản và quản lý, Viện Quân y G mượn 01 phần diện tích đất của Tổng kho B752 để trồng cây;

Ngày 10/6/1993, ông Nguyễn Quốc D ký hợp đồng giao đất trồng rừng với Viện quân y G (phần diện tích Viện Quân y mượn của Tổng kho B752) thời hạn sử dụng đất là 15 năm (trong hợp đồng không ghi diện tích, vị trí cho thuê đất). Nội dung hợp đồng thể hiện: Bên A (Viện Quân y G) giao toàn bộ diện tích đất năm 1988 đã trồng rừng và cây ăn trái cho bên B (ông Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Ngô Văn H2, Đỗ Thành C, Trần Hồng D4). Thời hạn sử dụng đất trồng rừng và cây ăn trái là 15 năm (đến ngày 10/6/2008). Sau 15 năm làm lại hợp đồng. Bên B giao lại cho bên A số tiền 1.500.000đ/1 ha đất trồng cây sau khi cùng nhau ký hợp đồng;

Ngày 05/5/1995, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 278/TTg thu hồi 128,18ha đất quốc phòng thuộc căn cứ quân sự L tại phường L, thành phố B để giao cho Liên doanh giữa Công ty A1 và Bangkok I C - Thái Lan (nay là Công ty cổ phần A1) thuê 28,18ha đất để xây dựng đường vào Khu công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước và hành lang cây xanh cho Khu công nghiệp L, cho Công ty

A1 thuê 100ha đất để góp vốn trong Công ty liên doanh X1 và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp L. Trong phần diện tích đất cho thuê nêu trên có 30.053m² đất thuộc phần diện tích 154.800m² nêu trên.

Ngày 21/11/1995, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 760/TTg thu hồi diện tích 748,79ha đất tại căn cứ L giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (trong đó có 124.747m² thuộc khu đất 154.800m² nêu trên) đây là phần diện tích dưới hành lang an toàn đường điện cao thế.

Ngày 26/5/2005, Ủy ban nhân dân phường L thông báo yêu cầu các hộ dân ngưng tăng gia sản xuất dưới hành lang lưới điện quốc gia tại khu vực này và ngày 06/01/2006, Viện Quân y G có văn bản thông báo về việc ngưng trồng cây, hoa màu dưới hành lang an toàn đường điện đối với hộ ông Nguyễn Quốc D (văn bản 02/VB7B).

Năm 2012, ông D và một số người đã tự ý vào san ủi, trồng cây, chăn nuôi, xây dựng các công trình dưới hành lang lưới điện cao thế, Ủy ban nhân dân thành phố B đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi đất, không để tái lấn chiếm. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ký Quyết định số 4331/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 về việc thu hồi đất do Ủy ban nhân dân phường L quản lý và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý và cho thuê lại nhưng phải bảo đảm quy định của ngành điện lực.

Phần đất Công ty cổ phần A1 được Thủ tướng Chính phủ cho thuê đất tại Quyết định số 278/TTg ngày 05/5/1995 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060754 cấp ngày 12/01/1996 với diện tích 29,18ha và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060756 cấp ngày 02/5/1996 với diện tích 100ha.

Phần đất của 03 nhà máy Q1: Ngày 29/6/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có văn bản số 3865/UBND-CNN, thỏa thuận địa điểm xây dựng 03 nhà máy quốc phòng gồm XNLH Z751, Z755, Z756 tại vị trí khu đất Bộ Q bàn giao tỉnh Đồng Nai năm 1995 và Bộ Q có Quyết số 1413/QĐ-BQP ngày 13/6/2007 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản cho các hộ dân bị giải tỏa trong đó có hộ ông Nguyễn Quốc D. Ông D và một số hộ dân đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng, không còn canh tác trong khu đất này.

Về xử lý vi phạm đối với ông Nguyễn Quốc D:

Năm 2014, ông D tự ý san ủi đất, trồng cây, chăn nuôi, xây dựng các công trình dưới hành lang an toàn đường điện (phần diện tích đã giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý) và một phần đất của Công ty cổ phần A1, Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành xử phạt, cưỡng chế nhưng ông D vẫn tái phạm. Năm 2015-2016, ông D cho xây dựng nhiều công trình, nhà tạm trên diện tích đất này.

Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 76/BB-VPHC đối với hành vi vi phạm của ông Nguyễn Quốc D trong việc xây dựng nhà ở và các công trình trái phép dưới hành lang lưới điện và trên

phần diện tích đất mà Thủ tướng Chính phủ đã cho Công ty cổ phần A1 thuê, ông Nguyễn Quốc D đã nhận Biên bản và tự viết vào Biên bản vi phạm hành chính “Các gia đình chúng tôi sản xuất nông nghiệp từ lâu, nay gặp nhiều khó khăn nên phải làm nhà tạm để ở và sản xuất mong chính quyền quan tâm giúp đỡ”;

Ngày 28/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L có Báo cáo số 27/BC-UBND đề xuất xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc D. Tuy nhiên, căn cứ theo Luật xử lý vi phạm hành chính, thời điểm lập Biên bản đã quá thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Quốc D;

Ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Quốc D, buộc ông Nguyễn Quốc D phải tự tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm và khôi phục tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm, thời hiệu thực hiện là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định;

Ngày 05/7/2016, Ủy ban nhân dân phường L tiến hành giao Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ cho ông Nguyễn Quốc D, ông D không nhận, Ủy ban nhân dân phường L lập biên bản đồng thời niêm yết tại công trình vi phạm có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp, cán bộ địa chính, đại diện khu phố 6 và một số người làm chứng khác;

Do đã quá thời 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, ông Nguyễn Quốc D không tự tháo dỡ công trình vi phạm nên Ủy ban nhân dân phường L có Tờ trình 182/Ttr-UBND ngày 06/8/2016, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định khắc phục hậu quả đối với các công trình vi phạm của ông Nguyễn Quốc D;

Ngày 23/8/2016, ông Nguyễn Tấn L1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ký Quyết định 4802/QĐ-CC, cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016, thời hạn là 60 ngày kể từ ngày tổng đạt (hoặc niêm yết) quyết định;

Ngày 05/01/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC, cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 (thay thế Quyết định số 4802/QĐ-CC ngày 23/8/2016);

Ngày 06/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành giao quyết định số 17/QĐ-CC cho ông Nguyễn Quốc D, do ông D không nhận, Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản và tiến hành niêm yết tại công trình vi phạm với sự chứng kiến của cán bộ tư pháp, cán bộ địa chính, cán bộ trật tự đô thị phường L và đại diện Khu phố 6;

Ngày 11/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L tiến hành cuộc họp vận động ông Nguyễn Quốc D và một số hộ dân tự tháo dỡ công trình vi phạm, ông D đến dự phát biểu ý kiến tại cuộc họp và ký tên vào biên bản;

Do ông D không tự tháo dỡ các công trình vi phạm nên ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L đã chủ trì phối hợp với lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trên đất và bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần A1 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai;

Như vậy, hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn Quốc D trong việc xây dựng nhà ở và các công trình trái phép dưới hành lang đường điện và trên phần diện tích đất đã được nhà nước cho Công ty cổ phần A1 thuê đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Nguyễn Quốc D không chấp hành việc tháo dỡ công trình, khôi phục lại hiện trạng ban đầu trước khi vi phạm. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật (quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 5, Điều 6 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D.

Sau khi tiến hành cưỡng chế để khắc phục hậu quả hành vi vi phạm hành chính, ông Nguyễn Quốc D đã có Đơn khiếu nại, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B xem xét, ban hành Quyết định số 357/QĐ0-UBND ngày 22/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D. Trong đó, không công nhận nội dung ông Nguyễn Quốc D khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-UBND ngày 19/4/2016, giữ nguyên việc cưỡng chế đối với ông Nguyễn Quốc D tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-UBND ngày 19/4/2016;

Không đồng ý với Quyết định giải quyết đơn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, ông Nguyễn Quốc D đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Sau khi giao Thanh tra thụ lý, xác minh đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức buổi đối thoại để giải quyết đơn của ông Nguyễn Quốc D vào ngày 28/4/2020 và đã ký Thông báo kết luận số 4958/TB-UBND-TCD ngày 04/5/2020;

Theo Báo cáo của Thanh tra tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 61898/TT-NV2 ngày 19/5/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D (lần hai). Nội dung Quyết định thể hiện:

“a. Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 18/02/2020 của ông Nguyễn Quốc D.

b. Công nhận Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D.

c. Yêu cầu ông Nguyễn Quốc D thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ căn cứ:

Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại, Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D cư ngụ tại địa chỉ 1 (số cũ A), tổ F, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tại văn bản số 621/UBND ngày 02/12/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L trình bày:

Về quá trình xử lý vi phạm của ông Nguyễn Quốc D:

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1999, tổng diện tích toàn bộ khu vực gồm các thửa đất 04, 10 tờ bản đồ 89; các thửa đất số 01, 03, 04, 06 tờ bản đồ địa chính số 90 với tổng diện tích khoảng 154.800m²;

Ngày 10/9/1993, ông Nguyễn Quốc D ký hợp đồng với Quân y viện 7B thuê một khu đất để sản xuất (hợp đồng thời hạn 15 năm, đến ngày 09/6/2008 hết hạn hợp đồng);

Năm 2005, ông D hợp đồng lại cho ông Trần N2, ông Bùi Duy K, ông Nguyễn Văn P1, ông Trần Văn H3, ông Trần Văn X, ông Trần Đình B, ông Nguyễn Thế Y và một số hộ khác cùng tham gia sản xuất thỏa thuận ăn chia theo sản phẩm. Tuy nhiên trong quá trình canh tác, các hộ dân trên đã nhiều lần xảy ra tranh chấp, xô xát, đánh nhau gây thương tích;

Ngày 26/12/2005, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Thông báo số 31/TB.UBP yêu cầu các hộ dân ngưng tăng gia sản xuất dưới hành lang an toàn lưới điện quốc gia tại phường L;

Ngày 06/01/2006, Bệnh viện 7B có văn bản số 02/BV7B về việc ngưng trồng cây và hoa màu dưới đường điện trung cao thế;

Đến năm 2012, hộ ông Nguyễn Quốc D bắt đầu cho người vào san ủi, trồng cây, chăn nuôi, dựng các công trình dưới hành lang điện cao thế;

Ủy ban nhân dân phường L đã kiểm tra, lập Biên bản hành vi vi phạm của ông Nguyễn Quốc D. Ban hành Quyết định và tổ chức cưỡng chế nhiều lần đối với công trình xây dựng trái phép dưới hành lang đường điện. Tuy nhiên, hộ ông D không chấp hành, vẫn tiếp tục tái vi phạm, xây dựng mở rộng hơn trước, khi lực lượng xuống kiểm tra, xử lý thì ông D chống đối quyết liệt;

Sau khi cưỡng chế xong, Ủy ban nhân dân phường đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố B đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi đất, không để tái lấn chiếm. Từ ngày 30/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 4331/QĐ-UBND giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý;

Năm 2015 và 2016, ông D tiếp tục tổ chức san ủi, xây dựng các công trình trái phép, trồng cây, chăn nuôi trên khu đất Khu công nghiệp A và đất đã bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của 02 khu công nghiệp A và L2 (với quy mô lớn hơn);

Ủy ban nhân dân phường L đã tổ chức cấm băng cấm san ủi, phân lô, mua bán, xây dựng trái phép. Tuy nhiên, ông D không chấp hành, vẫn tổ chức san ủi, xây dựng trái phép, tự ý làm hàng rào bằng tôn chặn các lối vào bên trong để không cho các lực lượng của Ủy ban nhân dân phường vào khu vực kiểm tra. Khi vào lập Biên bản xử lý có những đối tượng lạ mặt đến đe dọa lực lượng của Ủy ban nhân dân phường;

Ngày 31/12/2016, bộ phận địa chính – trật tự đô thị nhận được tin báo có 07 căn nhà đang xây dựng trái phép trên diện tích đất đã giao cho Công ty cổ phần A1 quản lý. Khi đến xử lý thì có một số đối tượng lạ mặt chống đối không cho Ủy ban nhân dân phường L biên bản tháo dỡ công trình vi phạm. Đến khi có sự phối hợp của Công an phường và lực lượng dân quân khu phố, Ủy ban nhân dân phường mới tiến hành lập được biên bản tháo dỡ 07 căn nhà xây dựng trái phép;

Quá trình xử lý của Ủy ban nhân dân phường L:

Trong các năm 2015 đến cuối năm 2016, ông D xây dựng nhiều công trình nhà tạm trên diện tích dưới hàng lang đường điện, tổ chức làm hàng rào tôn phân chia khu đất thành nhiều khu vực khác nhau và cho một số đối tượng vào khu vực trồng cây, xây dựng nhà ở trái phép.

Các công trình xây dựng vi phạm, Ủy ban nhân dân phường đã lập đầy đủ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định xử lý theo quy định. Đồng thời thông báo gửi đến ông D được biết để chấp hành;

Đối với hành vi xây dựng các công trình tạm:

- Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng xây dựng công trình vi phạm (Biên bản số 76/BB-VPHC) gồm 07 công trình nhà tạm;

- Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định khắc phục hậu quả (Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 28/3/2017);

- Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Ngày 05/7/2016, bộ phận trật tự đô thị giao Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ cho ông D nhưng ông D không nhận. Do vậy, bộ phận chuyên môn đã tiến hành niêm yết Quyết định tại công trình vi phạm;

Ngày 02/8/2016, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản kiểm tra việc thực hiện nội dung Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ, ông D vẫn không thực hiện nội dung của quyết định khắc phục hậu quả;

- Ủy ban nhân dân phường lập Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 05/01/2017 đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ;

Quá trình xây dựng kế hoạch cưỡng chế và vận động các hộ dân:

Ngày 25/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành văn bản số 13586/UBND-NC về việc hỗ trợ, tổ chức cưỡng chế đối với các trường hợp xây dựng trái phép trên địa bàn phường L;

Ngày 09/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L có Thông báo số 03/TB-UBND thông báo về việc cưỡng chế các trường hợp xây dựng công trình không phép, lấn chiếm đất tại tổ B đến tổ B, khu phố F, phường L. Đề nghị các hộ dân tự tháo dỡ các công trình, cây trồng, vật nuôi, tài sản khác trên đất ra khỏi khu vực trên từ ngày 09/01/2017 đến ngày 16/01/2017;

Ngày 11/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L tiếp tục mời các trường hợp hộ dân đã san ủi, xây dựng công trình, trồng cây, chăn nuôi trong khu vực trên để thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế và vận động các hộ dân chấp hành tự tháo dỡ các công trình vi phạm ra khỏi khu vực trên. Ông D không đồng ý di dời;

Do các hộ dân không chấp hành, đến ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L chủ trì, phối hợp với lực lượng các phòng ban thành phố, Công an thành phố, Đội quản lý trật tự đô thị và các ban ngành đoàn thể của địa phương, khu phố đã tiến hành tổ chức cưỡng chế.

Tại thời điểm thông qua Quyết định cưỡng chế trường hợp vi phạm của ông Nguyễn Quốc D, Đoàn cưỡng chế đã cưỡng chế các công trình vi phạm và có Biên bản cưỡng chế thi hành số 03/BB-CC ngày 17/01/2017 (đã phá dỡ cổng rào bằng tôn, 04 công trình tạm vách tôn, vách lá, mái lá, mái tôn, cột gỗ, cột sắt, 06 chuồng gia súc gia cầm, cây tràm trên diện tích vi phạm. Đoàn cưỡng chế không tạm giữ, thu giữ tài sản gì của ông D, ông D đã tự vận chuyển vật dụng bị cưỡng chế ra khỏi khu đất).

Sau khi cưỡng chế, Ủy ban nhân dân phường L đã bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần A1 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai và thi công

xây dựng tường bao từ **Khu công nghiệp L sang Khu C** để quản lý, không để tái lấn chiếm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 98/2022/HC-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D về việc yêu cầu tuyên hủy các Quyết định hành chính: Quyết định hành số 17/QĐ-CC ngày 05/1/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016”; Quyết định hành chính số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D; Quyết định hành chính số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc D về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phải bồi thường cho ông số tiền 3.408.500.000đ (ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo bảng kê tài sản thiệt hại;

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2022 người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Trong phần tranh luận:

Người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D trình bày: Diện tích đất do tôi tự khai phá, không phải lấn chiếm, năm tôi xây dựng và đầu tư trên đất, đất tôi sử dụng ổn định nhưng thu hồi giao cho đơn vị khác là không đúng pháp luật, tôi đề nghị được bồi thường thỏa đáng. Các Quyết định của Ủy ban ban hành không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị hủy bỏ như yêu cầu khởi kiện. Trong khi vụ án đang giải quyết chưa có quyết định cuối cùng có hiệu lực pháp luật mà công ty vào lấn chiếm, bao tôn quây lại là sai quy định. Tôi làm đơn mà không được Ủy ban nhân dân các cấp trả lời.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: Ông D hợp đồng với bệnh viện 7B để sử dụng diện tích đất này, thời điểm ông D bỏ ra số tiền đầu 10 triệu để đầu tư là rất lớn, ông D không lấn chiếm. Hộ ông D ở và sử dụng đất từ trước tháng 10/2003 và có đơn xác nhận đang sử dụng phần đất này được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận; căn cứ khoản 2 điều 77 luật Đất đai 2003 thì được bồi thường về đất, nhưng ông D không được bồi thường là trái pháp luật. Nghị định 166 năm 2013 về việc cưỡng chế thi người bị cưỡng chế không thực hiện thì mới thực hiện cưỡng chế và lập biên bản về tài sản để xử lý nhưng ông D bị cưỡng chế không lập biên bản theo quy định nên ông D đủ điều kiện để được bồi thường. Quyết định số 17 do phó

Chủ tịch ký là chưa đảm bảo tính pháp lý nên ông D yêu cầu hủy Quyết định này là có căn cứ vì vi phạm thẩm quyền. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ cho Ủy ban nhân dân thành phố B ông Nguyễn Thanh P trình bày: Đất đã được thu hồi nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn đường điện, đã được Ủy ban nhân dân địa phương thông báo việc xây dựng là không đủ điều kiện và không được cấp phép xây dựng. Nhưng ông D vẫn cố tình xây dựng trái phép là vi phạm quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân các cấp địa phương đã thực hiện trình tự, thủ tục ban hành các quyết định theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Ông D yêu cầu hủy Quyết định số 17 và các quyết định liên quan và yêu cầu bồi thường thiệt hại thấy rằng: Diện tích đất quốc phòng giao cho bệnh viện G1 quản lý. Ông D có đến khai phá từ năm 1978, năm 1993 ông D ký hợp đồng với Quân y viện 7B nhưng Quân Y Viện 7B không phải là chủ thể được nhà nước giao đất. thời hạn thuê là 15 năm từ 1993 đến 2008 là đã hết hạn. 2 bên đã chấm dứt hợp đồng, chỉ là chưa thanh lý hợp đồng. Ủy ban nhân dân phường L có thông báo cho các hộ dân tạm ngưng các hoạt động xây dựng và đầu tư trên đất nhưng hộ ông D không thực hiện, tiếp tục đầu tư và bị xử phạt hành chính. Phía ông D cho rằng đất sử dụng ổn định lâu dài nên căn cứ điều 77 Luật đất đai 2003 ông D đủ điều kiện bồi thường là không có căn cứ vì đây là đất Quốc phòng do Nhà nước quản lý. Quyết định số 17 của UBND thành phố B và các quyết định liên quan được ban hành là có căn cứ, đúng pháp luật, việc ông D yêu cầu bồi thường tài sản trên đất là không có căn cứ vì khi ông D xây dựng các công trình đã Ủy ban nhân dân phường L ngăn cản và lập biên bản xử lý. Từ cơ sở trên xét thấy tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất:

- Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1999, tổng diện tích toàn bộ khu vực gồm các thửa đất số 04, số 10 từ bản đồ địa chính số 89 phường L; các thửa đất số 01, 03, 04, 06 từ bản đồ địa chính số I phường L có tổng diện tích khoảng 154.800m² có nguồn gốc là đất thuộc Tổng kho Long Bình của chế độ cũ. Sau ngày giải phóng 30/4/1975 được giao lại cho các đơn vị quốc phòng tiếp quản. Sau đó, Bộ Q giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quản lý theo Quyết định số 760/TTg ngày 21/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ và sau đó giao lại cho tổng kho B752 (sau này là đơn vị K752 quản lý, đơn vị Quân y viện 7B mượn lại của Tổng kho để trồng cây);

- Ngày 10/6/1993, ông Nguyễn Quốc D ký hợp đồng với Quân y viện G thuê lại để trồng rừng và cây ăn trái với thời hạn thuê là 15 năm (trong hợp đồng không ghi diện tích, vị trí cho thuê đất) có nguồn gốc là đất quốc phòng;

- Ngày 05/5/1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 278/TTg về việc giao cho Công ty liên doanh P2 (nay là Công ty cổ phần A1) thuê 129,18ha đất tại phường L; Thực hiện Quyết định nêu trên, ngày 05/9/1995, Bộ Q và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tiến hành bàn giao ranh 129,18ha đất cho Công ty cổ phần A1 quản lý, sử dụng; Ngày 12/12/1995, các bên đã ký Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ và số 02/HĐTĐ với tổng diện tích thuê 129,18ha. Đến ngày 12/01 và 02/5/1996, Công ty cổ phần A1 (Việt Nam) được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060754 với diện tích 29,18ha và C060756 với diện tích 100ha.

- Ngày 06/01/2006, Quân y viện 7B có văn bản số 02/BV-7B thông báo về việc ngưng trồng cây, hoa màu dưới hành lang an toàn đường điện đối với hộ ông Nguyễn Quốc D và sau đó có thông báo chấm dứt hợp đồng thuê đất giữa Quân y viện 7B và ông Nguyễn Quốc D;

Tuy nhiên, đến năm 2012, hộ ông Nguyễn Quốc D bắt đầu cho người vào san ủi, trồng cây, chăn nuôi, xây dựng các công trình trái phép dưới hành lang điện cao thế.

- Ngày 30/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành quyết định số 4331/QĐ-UBND thu hồi diện tích 124.747m² (phần đất nằm dưới hành lang đường điện) giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý và cho thuê lại nhưng phải bảo đảm quy định ngành điện lực (đây là khu vực đã quy hoạch và đất công do Nhà nước quản lý).

Như vậy, diện tích đất mà ông Nguyễn Quốc D sử dụng có nguồn gốc là đất quốc phòng; một phần nằm trong diện tích đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ

giao cho Công ty liên doanh P2 (nay là Công ty cổ phần A1) thuê, một phần nằm trong diện tích xây dựng 03 nhà máy Q1 (năm 2007, Bộ Q có phê duyệt hỗ trợ di dời), phần còn lại là đất dưới hành lang đường điện do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai trực tiếp quản lý. Bản thân ông D không có giấy tờ chứng minh là “đất của mình” nhưng cho rằng mình “đang sử dụng do khai phá” là không có cơ sở.

[2.2] Quá trình ban hành các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Đồng Nai:

- Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 76/BB-VPHC đối với hành vi xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng diện tích 211m², gồm 07 công trình vi phạm thuộc hành lang an toàn đường điện 230KV và một phần khu đất đã giao cho Công ty A1 và Công ty liên doanh P2 thuê lại.

- Ngày 19/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 1490/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Nguyễn Quốc D không nhận Quyết định và không thực hiện;

- Ngày 23/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4802/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

- Sau khi hết thời hạn cưỡng chế, Ngày 05/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016 đối với ông Nguyễn Quốc D nhưng ông D vẫn không nhận quyết định;

- Ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân phường L chủ trì tiến hành phối hợp lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế tháo dỡ các công trình vi phạm trên đất và bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần A1 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý;

- Ngày 15/8/2018, ông Nguyễn Quốc D có Đơn khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

- Ngày 22/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Quốc D có nội dung không công nhận nội dung khiếu nại và giữ nguyên việc cưỡng chế đối với ông D theo Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Ngày 18/02/2020, ông Nguyễn Quốc D tiếp tục có Đơn khiếu nại (lần hai) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị xem xét, giải quyết vụ việc và ngày 17/6/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Quốc D với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D; công nhận Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành

phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D là đúng quy định của pháp luật; yêu cầu ông Nguyễn Quốc D thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành các Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”, Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 về việc “giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Quốc D” và Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 về việc “giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Quốc D” là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định.

[3.2] Ông Nguyễn Quốc D cho rằng Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 05/01/2017 và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, Quyết định 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, cưỡng chế thu hồi của ông diện tích đất 154.800m² mà không bồi thường, không xem xét đến quá trình sử dụng đất của ông là không cơ sở. Bởi lẽ, ông Nguyễn Quốc D cũng thừa nhận ông biết nguồn gốc đất đang sử dụng là đất quốc phòng, ông sử dụng đất nhưng cũng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc đất trên là do ông khai hoang hay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, việc ông D xây dựng công trình dưới hành lang lưới điện cao thế mà không có phép là vi phạm pháp luật. Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành các Quyết định về việc khắc phục hậu quả, cưỡng chế thi hành Quyết định khắc phục hậu quả và giải quyết không công nhận khiếu nại của ông là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với việc ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ bồi thường số tiền số tiền 3.408.500.000 (ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo bảng kê tài sản thiệt hại (BL251-257). Xét thấy, theo Biên bản cưỡng chế 03/BB-CC ngày 17/01/2017, việc ông Nguyễn Quốc D tự ý san ủi, trồng cây, chăn nuôi, xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng là trái quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân phường L đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm đối với ông Nguyễn Quốc D (ban hành quyết định và tổ chức cưỡng chế nhiều lần đối với công trình xây dựng trái phép dưới hành lang lưới điện nhưng hộ ông Nguyễn Quốc D không chấp hành mà tiếp tục vi phạm). Nên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, ông D có kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D phải chịu nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc D. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 98/2022/HC-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng:

- Điều 82, 88, 92 Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng;

- Điều 3, 5, 6 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Luật tổ chức chính quyền địa phương;

- Điều 29, điểm c khoản 1 và 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại

- Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D về việc yêu cầu tuyên hủy các Quyết định hành chính:

- Quyết định hành số 17/QĐ-CC ngày 05/1/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP . về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1490/QĐ-KPHQ ngày 19/4/2016”;

- Quyết định hành chính số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quốc D;

- Quyết định hành chính số 2033/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc D.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc D về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phải bồi thường cho ông số tiền 3.408.500.000đ (ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo bảng kê tài sản thiệt hại;

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Quốc D được miễn.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Lê Văn An